

Bản án số: 06/2022/HS-ST

Ngày: 16-02-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Triệu Luật.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hồ Vũ Trường Giang.

Ông Trần Văn Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

**Lưu Thanh T;** sinh năm: 1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: A đường Bã S, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lưu Thành S và bà: Võ Thị O; có vợ: Hà Thị Thu X và 02 con (lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2021); tiền án: 01 (ngày 03/4/2018 bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp Tài sản” tại Bản án số 21/2018/HSST); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07/4/2017 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 4 Quận 6 quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính bằng biện pháp giáo dục tại phường với thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại Quyết định số 97/QĐ-UBND, ngày 10/8/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 6 quyết định xử lý vi phạm chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng tại Quyết định số 218/2017/QĐ-TA sau đó bị đình chỉ phục vụ cho việc truy cứu trách

nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội tại Quận 6; bị bắt tạm giam ngày: 01/10/2021.

(Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

Bà Trần Thị Kim T – Sinh năm: 1993 (có mặt).

Địa chỉ: tổ S, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Bà Hà Thị Thu X – Sinh năm: 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường B, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Ông Quang Thành T – Sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: N đường M, Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Thanh T cùng vợ là Hà Thị Thu X chăm sóc con tại Khoa hô hấp - Bệnh viện Nhi đồng 1, địa chỉ: 341 đường Sur Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 30/5/2021, T đi ra khu vệ sinh thì thấy bà Trần Thị Kim T là người nhà bệnh nhi đang nằm ngủ bên ngoài hành lang, trên đầu giường của bà T có để chiếc điện thoại di động hiệu Samsung M51 màu đen; nên T lén lút lấy chiếc điện thoại, bỏ vào túi quần rồi đi về nhà. Sau đó, T tìm cách bẻ khóa điện thoại làm điện thoại bị hư nên trưa ngày 30/5/2021 T mang điện thoại đến cửa hàng A Thái – địa chỉ: 55D đường Minh Phụng, Phường 5, Quận 6 do ông Quang Thành T làm chủ để sửa; tuy nhiên, do cần tiền tiêu xài nên đến chiều ngày 30/5/2021, T đã bán điện thoại trên cho ông Thái với giá 1.200.000 đồng; số tiền này, T đưa cho vợ là bà X để đóng viện phí. Phát hiện bị mất điện thoại, bà Trần Thị Kim T cùng bảo vệ của bệnh viện xem lại hình ảnh camera, phát hiện Lưu Thanh T là người lấy điện thoại của mình; ngày 31/5/2021, bà T đến Công an Phường 10, Quận 10 trình báo. Vụ việc được Công an Phường 10, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến Cơ quan điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Tài sản bị chiếm đoạt là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung M51, qua định giá có trị giá 4.500.000 đồng, không thu hồi lại được.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố, điều tra và tiến hành bắt tạm giam đối với Lưu Thanh T về hành vi “Trộm cắp Tài sản”.

Quá trình điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi như trên.

Đối với Hà Thị Thu X không biết tiền của T đưa đi đóng viện phí là Tài sản thu lợi từ việc chiếm đoạt như trên mà có; nên không xem xét trách nhiệm trước pháp luật.

Đối với ông Quang Thành T khi mua chiếc điện thoại của T thì không biết đây là Tài sản do chiếm đoạt mà có; sau khi mua của T, ông Thái đã bán lại cho một người không rõ lai lịch, hiện không thu hồi được; nên không xem xét trách nhiệm trước pháp luật.

Riêng đối với thẻ sim điện thoại, T thuê T xé xe ôm công nghệ giao trả cho bà T.

Đối với 01 USB lưu lại hình ảnh Lưu Thanh T thực hiện hành chiếm đoạt Tài sản như đã nêu trên, đã được lưu vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị Kim T yêu cầu Lưu Thanh T bồi thường số tiền 4.500.000 đồng đối với chiếc điện thoại bị chiếm đoạt và không thu hồi lại được.

Tại Cáo trạng truy tố số 02/CT-VKSQ10 ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Lưu Thanh T về tội: “Trộm cắp Tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các T liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án; bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai trình của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội và bị hại, sau khi nêu lên những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm), giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo) của bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 5 Điều 173; khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo: Lưu Thanh T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác, vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Ý kiến của bị hại: Bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.
- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, T liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, T liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, T liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình; qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản thực nghiệm điều tra, nội dung ghi hình camera, hình ảnh vật chứng, bản kết luận định giá Tài sản, cùng các T liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Lưu Thanh T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt Tài sản của bị hại với giá trị là 4.500.000 đồng, nên bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Trộm cắp Tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu Tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội; ngoài

ra, bị cáo còn có quá trình nhân thân không tốt. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương; ngoài ra căn cứ vào khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền nộp ngân sách Nhà nước.

Về tình tiết tăng nặng: Ngày 03/4/2018 bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp Tài sản”, như vậy bị cáo đã bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội ít nghiêm trọng do cố ý, hành vi này là tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo (nhưng chưa thật sự ăn năn hối cải thể hiện qua quá trình nhân thân của bị cáo, cũng như đến nay bị cáo vẫn chưa khắc phục, bồi thường thiệt hại mà mình đã gây ra); do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung M51 trị giá 4.500.000 đồng, bị hại Trần Thị Kim T yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền trên; xét yêu cầu của phía bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật; vậy căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Lưu Thanh T bồi thường khoản tiền 4.500.000 đồng cho bà Trần Thị Kim T.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 173; khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lưu Thanh T;

Xử phạt bị cáo Lưu Thanh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2021.

Phạt bổ sung bị cáo T 5.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc: Bị cáo Lưu Thanh T bồi thường số tiền 4.500.000 (bốn triệu năm trăm ngàn) đồng cho bà Trần Thị Kim T.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc: Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, bị hại tính từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 10; (4)
- Công an Quận 10; (2)
- Chi cục THADS Quận 10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (4)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Triệu Luật**